

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế về lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 254/TTr-SNNPTN ngày 27 tháng 01 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính (TTHC) được thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế (Có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Cập nhật thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định;
- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC;
- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và niêm yết, công khai theo quy

định thủ tục hành chính đã được ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2022.

Thay thế TTHC số 04 Mục II tại Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị thay thế trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT, TT PVHCC;
- Lưu: VT, KSNC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành theo Quyết định số: 428 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

TT	Tên TTHC được thay thế (Mã số TTHC)	Tên TTHC thay thế (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày)	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (1.000052)	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198)	Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống;</li> <li>- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống;</li> <li>- Bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội): 450.000 đồng/cây.</li> <li>- Công nhận vườn cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom): 1.000.000 đồng/vườn giống.</li> <li>- Công nhận rừng giống: 2.750.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> <li>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh Thừa Thiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính;</li> </ul>	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

				đòng/rừng giống.	Huế.	công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp. - Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp.	
--	--	--	--	------------------	------	--	--